

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/DS-PT

Ngày 11-9-2023

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán:

Ông Lại Văn Tùng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2023/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 52C, ngõ 52, LKT, phường TM, quận HM, Thành phố Hà Nội; “có mặt”;

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Q** là: Luật sư Trần Nam N và luật sư Trần Tuấn C - Công ty luật FLA, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

- + Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1931; địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;
 - + Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1937; địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;
 - + Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; địa chỉ: Số nhà 13, đường Vòng Lâm Viên, phường 9, Chi Lăng, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; “vắng mặt”;
 - + Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954, địa chỉ: Phòng 217 A4 tập thể công cụ số 1, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”;
 - + Bà Phan Thị H1, sinh năm 1934; địa chỉ: Tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; “vắng mặt”;
 - + Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 130, Tổ 2, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; “vắng mặt”;
 - + Bà Nguyễn Thị Tâm D, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ 12, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; “vắng mặt”;
 - + Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; “vắng mặt”;
 - + Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; “vắng mặt”;
 - + Ông Hoàng Văn Nh, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 10, khu Chiến Thắng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”;
 - + Ông Hoàng Minh Th2, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 17, xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;
 - + Anh Hoàng Đức Th3, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 432, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”;
 - + Anh Hoàng Trung Th4, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 10, tổ 1, khu Chiến Thắng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”;
 - + Chị Hoàng Thu Th5, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 1, khu Chiến Thắng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; “vắng mặt”;
- Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị H đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 52C, ngõ 52, LKT, phường TM, quận HM, Thành phố Hà Nội tham gia tố tụng.*
- Bà Đan, bà Thủy, bà Hoa, bà Nguyệt, bà Dung, ông Trường, ông Sơn, ông Nhưng, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định tham gia tố tụng.*
- Người làm chứng:

1. Ông Lương Viết Trọng, sinh năm 1930, địa chỉ: Xóm 2, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;
2. Ông Vũ Mạnh Linh, sinh năm 1965, địa chỉ: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bố mẹ của ông là cụ ông Nguyễn Văn Chiêu, chết năm 1991, cụ bà Lương Thị Tường (tên gọi theo chồng là Nguyễn Thị Chiêu), chết năm 2007. Cụ Chiêu và cụ Tường có 07 người con đẻ gồm: Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ích (bà Ích chết năm 2009, bà Ích có chồng là ông Hoàng Văn Nh và 4 người con gồm: Hoàng Minh Th2, Hoàng Đức Th3, Hoàng Trung Th4, Hoàng Thu Th5), ông là Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Q. Trước khi ông Chiêu lấy bà Lương Thị Tường, thì cụ Chiêu có vợ là cụ My có 01 người con đẻ là ông Nguyễn Đức Hạnh, sinh năm năm 1931 (ông Hạnh chết ngày 14/11/2009, ông Hạnh có vợ là bà Phan Thị H1 và có 4 người con gồm: Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Tâm D, Nguyễn Đức Tr, Nguyễn Đức S).

Cụ Chiêu, cụ Tường có mảnh đất ở 09 miếng tại xóm 6a, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, sau đó thay đổi địa giới hành chính nay thuộc xóm 5, xã Xuân Tiến. Trên đất có một nhà gỗ cấp 4 năm gian lợp bồi. Ngoài nhà đất này, bố mẹ ông không còn nhà đất, tài sản nào khác. Khi vợ chồng ông Quang ở cùng với bố mẹ là hai cụ Chiêu, vợ chồng ông Quang đã phá nhà gỗ của bố mẹ và làm lại nhà mái bằng 03 gian cho bố mẹ cũng như vợ chồng con cái ông Quang ở (cụ thể thời gian ông Quang làm nhà ông không nhớ). Khoảng gần 10 năm nay vợ chồng ông Quang lại phá nhà mái bằng 03 gian để xây nhà 2 tầng, trước khi làm nhà ông Quang có lên Hà Nội gặp vợ chồng ông và nói “Chuẩn bị em làm nhà, mặt đường em làm một nửa còn sau này anh về anh làm” vợ chồng ông đồng ý không có ý kiến gì, khi vợ chồng ông Quang làm nhà ông có về xem xét việc ông Quang làm nhà. Ngày 08/12/1986, bố ông bảo ông viết văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con thay cho bố ông với nội dung: “*Bố Nguyễn Văn Chiêu, mẹ Lương Thị Tường; Quê quán: Xóm 6a, Xuân Tiến, Xuân Thủy, Hà Nam Ninh, hiện có những bất động sản sau: đất 09 miếng (có văn tự mua kèm theo), trên mảnh đất đó có một ngôi nhà gỗ 05 gian, 02 gian nhà bếp xây và 01 gian nhà xí lợp rạ. Nay tuổi già sức yếu, tôi đem chia cho các con. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các con chưa có nhà ở. Vào thực tại đất đai đem chia còn quá hẹp. Các con trưởng trước đây đã được chia một phần nay đã có thổ riêng. Sau khi họp bàn với các con trên tinh thần anh em nhường nhịn nhau, tôi chia như sau: Ngôi nhà bếp xây 02 gian giữ lại*

cho bố mẹ. Ngôi nhà gỗ 05 gian dỡ đem bán, số tiền bán được giữ lại cho bố mẹ dưỡng già. Còn đất chia làm hai phần bằng nhau cho hai con là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q theo ranh giới vạch đôi (có sơ đồ chỉ dẫn). Việc sử dụng đất đai mỗi người một nửa do hai con bàn bạc với nhau cho hợp tình hợp lý”. Trước đó, bố mẹ ông bàn về việc chia đất như trên thì có bố mẹ, ông Chiêu, ông và ông Quang. Còn ngày viết văn bản ngày 08/12/1986 thì ông không nhớ chính xác lúc đó có những ai, chữ ký Chiêu là bố ông trực tiếp ký sau khi ông viết xong. Trong văn bản không có chữ ký của mẹ vì giấy văn tự mua đất của bố ông trước kia ghi diện tích 09 miếng chỉ đứng tên bố không có tên mẹ nên bố không đưa mẹ ký, văn bản này ông Quang cũng được giữ một bản (do bố ông đưa cho ông Quang). Ông Chiêu cũng ký ngay thời điểm khi ông viết xong, ông Chiêu viết số đất này cho 2 em Tiến, Quang, ông Chiêu không nhận và ký tên con trưởng Nguyễn Văn Ch. Sau đó ông mới đưa văn bản này cho em gái là Nguyễn Thị Th ký vào, còn bà Đan ông đưa trước thời điểm bà Thủy ký, thời gian cụ thể bà Thủy, bà Đan ký đến nay ông không nhớ. Năm 2018 văn bản này được ông Chiêu công bố trước gia đình hầu hết đủ các anh em trong gia đình, ông nhớ vắng bà Hồng do ở xa, không ai có ý kiến gì. Những người khác ông không đưa cho ký vì ông nghĩ đất này mang tên bố nên bố được toàn quyền quyết định vì vậy những người khác không bắt buộc phải ký.

Ngày 12/7/2006 ông Quang có viết giấy chia quyền thừa kế sử dụng đất, văn bản này trước đây ông không nộp vì ông biết chắc chắn ông Quang sẽ nộp Tòa án và ông muốn để ông Quang nộp xem thế nào, tài liệu ông Quang nộp ông thấy nội dung của tờ giấy đôi gồm có 04 trang trong đó trang thứ nhất và trang thứ hai ghi với nội dung “Tôi là Nguyễn Thị Chiêu đang ở đội 5, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định hiện sở hữu mảnh đất thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 4, địa chính xã Xuân Tiến có diện tích đất 340m² trong đó có ngôi nhà 3 gian mái bằng do vợ chồng con trai Nguyễn Văn Q làm từ năm 1987 ở cùng tôi đến nay, sau khi đã bàn bạc thống nhất với các con trai là Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, tôi chia quyền sử dụng mảnh đất này ra làm các phần sau:

1. Để lại 50m² tính từ ranh giới giáp ngõ phía Tây trở lại phía Đông để xây nhà thờ tổ;

2. Phần còn lại 290m² chia làm 04 phần có diện tích bằng nhau (72m²) . Ranh giới giữa các phần đất này theo trục đường xã, thứ tự tính từ phía Bắc xuống phía Nam. Phần thứ nhất là của tôi, phần thứ hai là của vợ chồng Nguyễn Văn Q, phần thứ ba của vợ chồng Nguyễn Đức Hạnh, phần thứ tư của vợ chồng Nguyễn Văn T. Riêng đất ở của vợ chồng con trai Nguyễn Văn Ch trước kia đã được chia đất sau đó do xã làm đường vào khu vực đó nên đã được đền bù đất và làm nhà ở chỗ khác.

Quyền sử dụng đất của các thành phần được chia như trên sẽ được thực hiện tính từ ngày ký và có thể chuyển nhượng cho nhau.

Hiện tại tôi, vợ chồng con trai Nguyễn Đức Hạnh nhượng quyền sử dụng phần đất của mình cho vợ chồng con trai Nguyễn Văn Q sử dụng. Trên phần đất này đã có ngôi nhà của vợ chồng Quang làm để bố mẹ ở cùng từ năm 1987 đến nay”.

Ông khẳng định hôm đó ông Hạnh không có mặt, chữ Nguyễn Văn Hạnh là do ông Quang tự viết vào.

Còn trang thứ 3 trong đó có ghi nội dung “*Giấy nhượng quyền sử dụng đất; Tôi là Nguyễn Văn T, vợ là Nguyễn Quỳnh Giao nhất trí để cho vợ chồng em trai là Nguyễn Văn Q và Hoàng Thị M phần đất được chia (72m²) được toàn quyền sử dụng kể từ ngày ký*” chữ ký Nguyễn Văn T ở trang thứ 2 và trang thứ 3 đúng là của ông. Văn bản này được lập thành 05 bản, trang thứ 3 do ông Quang viết sau nhưng lại ghi cùng ngày 12/7/2006, ông chỉ biết ông giữ một bản còn mẹ ông và những anh khác có giữ hay không thì ông không biết. Sau đó ông có về nói chuyện với vợ, vợ ông không nhất trí như ý kiến của ông nên sau đó ông có yêu cầu ông Quang đưa một bản gốc của ông Quang và một bản gốc của ông, ông có viết vào hai bản với nội dung “*Phần đất chưa sử dụng đến, tôi tạm giao cho chú Quang kinh doanh, khi nào cần tới chú Quang trả lại tôi theo cam kết*”, thời điểm ông viết thêm vào hai bản này ông không nhớ, văn bản này không có chữ ký của ông Quang (03 văn bản còn lại ông không viết vì ông không biết ai cầm hơn nữa những người khác cũng không liên quan tới đất này, chỉ có ông và ông Quang liên quan tới đất của bố mẹ nên ông chỉ viết vào văn bản của ông và của ông Quang) văn bản ông Quang viết năm 2006 gửi Tòa án lại không có nội dung “*phần đất chưa sử dụng đến tôi tạm giao chú Quang kinh doanh, khi nào tôi cần tới chú Quang trả lại tôi theo cam kết*”, ông chưa hiểu được ý định của ông Quang. Thực tế trước khi viết văn bản năm 2006 ông Quang không bàn bạc với ông trước, nên sau này ông yêu cầu ông Quang sửa lại nội dung, ông Quang cũng vui vẻ, hai anh em hoàn toàn thông cảm cho nhau. Khoảng tháng 3 năm 2018 ông có ý định về làm nhà trên phần đất của ông, ông có yêu cầu ông Quang đưa giấy tờ gốc cho ông thì ông Quang nói “*vợ em đi chơi, vợ em mang hết giấy tờ sổ sách đi rồi*” Đến buổi chiều cùng ngày ông Quang không đưa giấy tờ gốc mà nói em đã làm sổ đỏ cho vợ chồng em rồi, ông Quang chỉ đưa các giấy tờ phô tô về đất đai lúc đó ông mới biết ngày 19/02/1998 mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Chiêu với diện tích 340m² đất ở lâu dài thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định và ngày 23/9/1998 mẹ ông, bà Chiêu đã làm văn bản giấy tờ tách diện tích 290m² đất trong diện tích 340m² đất nói trên cho vợ chồng ông Quang bà Mai. Vợ chồng ông Quang được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2004 với diện tích 290m² đất ở lâu dài, thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04. Như vậy, việc mẹ ông được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cũng như việc mẹ ông tách đất cho vợ chồng ông Quang, các anh chị em ông không ai hay biết gì.

Ngày 27/7/2018 giỗ cụ Chiêu có các con cháu gồm ông Chiêu, bà Đan, ông, bà Thủy, ông Quang, bà Hoa (vợ ông Hạnh), lúc đó ông Chiêu đọc văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con ngày 08/12/1986 - văn bản do ông viết, lúc đó không ai có ý kiến gì, ông Chiêu nói đề nghị xem lại giấy chia quyền thừa kế sử dụng đất năm 2006 do ông Quang viết, lúc đó ông Quang phản đối lời nói của ông Chiêu, ông Chiêu có viết vào tờ giấy gốc của ông là giấy này không có giá trị vì 290m² đất đã tách ra sổ đỏ mang tên ông Nguyễn Văn Q + bà Hoàng Thị M ghi năm 2004 rồi, bà Chiêu không còn đất 290m² nữa để chia, ông Chiêu nắm để biết - văn bản này mới đưa ông Chiêu viết thêm vào bằng bút bi màu đen đề ngày 27/7/2018, văn bản này có chữ ký của ông Nguyễn Văn Ch, ông, sau đó ông gửi vào cho bà Hồng và bà Hồng đã ký xác nhận ở trang thứ 4. Còn những người khác bà Đan, bà Thủy, ông Quang, bà Hoa không ký vào văn bản do ông Chiêu viết. Đến ngày 29/3/2018 ông có viết giấy cam kết quyền thừa kế tài sản đất trong đó có nội dung *“Phần đất phía ngoài giáp với đường liên xã được chia làm hai phần. Một phần ông Nguyễn Văn Q (đã xây dựng nhà) phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T với diện tích 67.2 m² có kích thước chiều rộng mặt tiền 4.2, chiều sâu 16 m”* văn bản này có chữ ký của 06 người gồm ông, ông Quang, bà Đan, ông Chiêu, bà Hồng, bà Thủy. Tháng 4/2018 ông định về xây nhà, ông Chiêu có mời ông Quang và ông ra nhà ông Chiêu có mặt vợ chồng ông Chiêu, ông có nói tuần sau ông về làm nhà, ông Quang nhất trí về việc ông sẽ về làm nhà nhưng tuần sau ông về làm nhà theo kế hoạch thì ông Quang lại không nhất trí nữa. Nay di sản mà bố mẹ ông để lại gồm nhà và đất, tuy nhiên đến nay nhà của bố mẹ ông không còn do ông Quang đã sửa nhà và hiện đã xây nhà mới, ông không yêu cầu chia nhà, các công trình xây dựng mà vợ chồng ông Quang đã xây trên đất của bố mẹ ông để lại ông không có yêu cầu đòi hỏi gì, nay ông và ông Quang không thống nhất được với nhau, quan điểm của ông là 50 m² đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ, đề nghị Tòa án căn cứ vào bản phân chia nhà, đất lập năm 1986 của bố ông để chia, ông chỉ lấy chiều rộng của phần đất còn lại mặt đường 4,2m²; lấy 67m². Đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Quang và bà Mai. Nếu văn bản phân chia nhà, đất của bố mẹ ông không phù hợp với quy định của pháp luật thì ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là 286m² đất.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ anh chị em trong gia đình như ông Nguyễn Văn T trình bày là đúng. Khi còn sống bố mẹ ông là cụ Chiêu, cụ Tường có mảnh đất ở 09 miếng tại xóm 6, xã Xuân Tiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, sau đó thay đổi địa giới hành chính nay thuộc xóm 5, xã Xuân Tiên. Trên thổ đất của bố mẹ ông

có hai ngôi nhà, một ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ nằm ngoài mặt đường, còn một ngôi nhà gỗ năm gian mái lợp rạ ở phía trong. Sau khi ông Chiêu kết hôn với bà Hoa, bố mẹ ông để cho vợ chồng ông Chiêu ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ngoài mặt đường còn bố mẹ ông và các anh chị em ông ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969 xã Xuân Tiến nắn sông và làm đường nên đã làm vào phần nhà 03 gian phía ngoài của bố mẹ ông, xã đã đền bù, chuyển đổi cho gia đình ông Chiêu vào mảnh đất phía bên trong ngõ mà hiện gia đình ông Chiêu đang ở. Khoảng năm 1976 - 1978 ông Chiêu có mua thêm một phần đất hơn 200m² của ông Song liền thổ với đất của gia đình ông Chiêu, nhưng nay gia đình ông Chiêu đã chuyển nhượng cho người khác 300m² đất. Do các anh chị em xây dựng gia đình và ở riêng, theo nguyện vọng của bố mẹ muốn ông lấy vợ ở quê và ở cùng bố mẹ để chăm sóc bố mẹ ông. Năm 1981 ông nghe lời bố mẹ đã kết hôn với bà Mai, năm 1984 ông bộ đội chuyển công tác về ở hẳn với bố mẹ để chăm sóc bố mẹ ông được tốt hơn. Năm 1986 nhà của bố mẹ ông bị xuống cấp do bão, năm 1987 vợ chồng ông đã làm lại nhà mái bằng 03 gian từ đông sang tây cho bố mẹ ông cũng như vợ chồng con cái ông ở. Ngày 19/02/1998 mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Chiêu với diện tích 340m² đất ở lâu dài thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định. Ngày 23/9/1998 mẹ ông là bà Chiêu đã làm văn bản giấy tờ tách diện tích 290m² đất trong diện tích 340m² đất nói trên cho ông và vợ ông là Hoàng Thị M, có đầy đủ chữ ký của xóm trưởng là ông Vũ Linh, cán bộ địa chính xã và các hộ liên kề ký vào trong hồ sơ, các anh chị em trong gia đình chỉ có ông Chiêu là anh trai ký nhận vì các anh chị em khác hoặc ở xa hoặc bận việc gia đình nên không ký nhận. Sáu năm sau vợ chồng ông mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X030994 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02622 ngày 15/7/2004 với diện tích 290m² đất ở lâu dài, thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04, diện tích đất còn lại 50m² mẹ ông có nguyện vọng để xây từ đường. Mặc dù vợ chồng ông đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng ngày 12/7/2006 ông vẫn cùng mẹ ông và những người con trai khác có họp bàn và làm văn bản thỏa thuận nhà đất của bố mẹ ông sẽ để ra 50m² để xây từ đường, phần đất còn lại 290m² chia làm 04 phần bằng nhau, từ bắc xuống nam theo thứ tự mẹ ông, ông, ông Hạnh, ông Tiến mỗi người một phần 72m² (anh Chiêu đã được chia đất ở chỗ khác rồi nên không được chia nữa) nhưng trong đó mẹ ông và ông Hạnh đã làm văn bản để lại phần đất cho ông, sau đó ông Tiến cũng nhất trí để lại phần đất của ông Tiến cho vợ chồng ông. Như buổi họp gia đình đã thống nhất như ý kiến của mẹ ông, nhưng vì ông Tiến muốn bàn bạc với vợ, sau khi chị Giao (vợ ông Tiến) nhất trí để lại phần đất của vợ chồng ông Tiến cho vợ chồng ông, ông mới ghi luôn ngày 12/7/2006. Giấy chia quyền thừa kế sử dụng đất ngày 12/7/2006 do ông viết, ông viết giấy này được sự nhất trí, đồng thuận của mẹ ông cũng như các anh trai khác là anh Chiêu, anh Hạnh, anh Tiến. Năm 2009 vợ chồng ông phá nhà 03 gian để làm nhà 3 tầng trên diện tích đất khoảng 100m². Từ trước đến nay vợ

chồng ông ở cùng với bố mẹ và chăm sóc bố mẹ, các anh chị khác cũng chăm sóc nhưng chỉ thỉnh thoảng về thăm nom, việc chăm sóc bố mẹ chủ yếu do vợ chồng ông đảm nhiệm, gánh vác. Từ trước đến nay các anh chị em ông không có mâu thuẫn gì. Khi mẹ ông tách 290m² đất cho vợ chồng ông cũng như việc vợ chồng ông làm nhà ở năm 1987 cũng như làm nhà năm 2009, gia đình không ghi văn bản giấy tờ gì nhưng mọi người đều biết và không ai có ý kiến gì. Tài liệu ông Tiến giao nộp Tòa án mà ông được sao chụp thấy “Văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con” vào ngày 08/12/1986, theo văn bản nhà đất của cụ Chiêu, cụ Tường sẽ chia đôi cho ông Tiến và ông mỗi người một nửa. Việc phân chia trước đây ông không biết, khi ông Tiến nộp đơn ra xã lúc đó ông mới biết. Ông xem văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con, ông khẳng định văn bản này do ông Tiến viết. Về chữ ký Chiêu, ông không biết đây có phải chữ ký của bố hay mẹ ông không. Còn chữ ký của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị Th ông khẳng định do ông Tiến mới đưa cho bà Đan và bà Thủy ký vào năm 2018 chứ không phải các chị ký thời điểm năm 1986. Còn chữ ký của ông Chiêu cũng là thời gian mới đây ông Tiến đưa cho ông Chiêu ký vào.

Về nội dung của văn bản cũng không phù hợp vì bố mẹ ông đang ở nhà, thời điểm đó bố mẹ ông không phải nghèo khó gì mà ông Tiến lại viết “nhà bếp 02 gian giữ lại cho bố mẹ được, còn ngôi nhà gỗ 05 gian dỡ đem bán, số tiền bán giữ lại để bố mẹ dưỡng già” ông không hiểu lý do gì phải dỡ nhà đem bán dưỡng già, vậy trách nhiệm các con ở đâu, trong khi vợ chồng ông ở cùng bố mẹ chăm sóc bố mẹ ông đầy đủ trách nhiệm của người con. Trong văn bản chia đôi không ghi cụ thể mốc giới của các bên. Hơn nữa năm 1987 nhà của bố mẹ ông xuống cấp, được sự đồng ý của bố mẹ, ông dỡ nhà gỗ cấp 4 năm gian của bố mẹ để làm nhà 03 gian mái bằng cùng ở và đến năm 2009 ông dỡ nhà 03 gian mái bằng để xây nhà 03 tầng và các công trình phụ với diện tích gần 200m² nhưng lúc đó tất cả các anh chị em khác đều biết và đồng thuận nhưng bản thân ông Tiến cũng không có ý kiến gì. Ông không nhất trí theo văn bản phân chia trên vì không hợp tình, hợp lý. Ông không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của ông Tiến vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ ông cũng như vợ chồng ông đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, việc cấp giấy chứng nhận là đúng trình tự thủ tục, cấp công khai minh bạch.

Trước đây theo văn bản phân chia đất gồm mẹ ông và những người con trai phần đất của bố mẹ để lại có 340m² trong đó 50m² để làm từ đường, diện tích đất còn lại 290m² chia làm 04 phần, phần của ông Hạnh (nay là bà Hoa và các con của ông Hạnh) trước đây đã cho vợ chồng ông sử dụng, hiện vợ chồng ông đã sử dụng $\frac{1}{2}$ phần đất của ông Hạnh tức 1.4 m đất mặt đường chạy dọc vào trong, phần của ông Hạnh còn lại 1.4 m. Nay (ông Hạnh đã chết) - bà Hoa và các con của ông Hạnh bà Hoa nếu đồng ý để lại phần đất còn lại 1.4 m cho ông Tiến thì ông cũng nhất trí như vậy phần của ông Tiến sẽ là 2.8 m + 1.4 m (Phần của nhà ông Hạnh) đất mặt đường chạy dọc vào trong dài 16 m, thì ông cũng

nhất trí với điều kiện tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác cùng đồng ý.

Ông và ông Tiến không thể thống nhất được, di chúc đó không hợp pháp về hình thức và nội dung, nên ông Tiến không có quyền đòi. Ông nhất trí để 50m² để làm từ đường, còn diện tích đất 290m² của vợ chồng ông đã được mẹ ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông, còn tình cảm thì chia làm 4 phần như văn bản anh em đã thống nhất.

Theo lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị M trình bày: Về quan hệ gia đình cũng như nguồn gốc đất đang tranh chấp như ông Nguyễn Văn Q là chồng bà trình bày là đúng. Nay bà nhất trí với quan điểm của ông Quang.

- Ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Về quan hệ anh chị em trong gia đình cũng như nguồn gốc đất ông Tiến, ông Quang trình bày là đúng: Đất của bố mẹ ông để lại gồm 340 m² đất, trong đó nguyện vọng của mẹ ông cũng như anh em ông để lại 50 m² đất để làm từ đường. Trước đây cụ Chiêu, cụ Tường chưa chia đất cho ông. Đất vợ chồng ông đang ở hiện nay tại xóm 5, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường do vợ chồng ông tự mua. Văn bản phân chia nhà, đất của bố mẹ cho các con ngày 08/12/1986 có ghi chữ số đất này cho 2 em Tiến Quang con trai Nguyễn Văn Ch đúng là chữ viết chữ ký của ông. Ông viết văn bản này với mục đích đất của bố mẹ ông chia cho ông Tiến, ông Quang thì ông nhất trí, ông không nhận đất. Nếu sau này ông được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ, phần của ông được hưởng, được chia ông sẽ để lại toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T, ông Tiến không phải thanh toán giá trị tài sản gì cho ông.

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Về quan hệ họ hàng anh chị em trong gia đình cũng như nguồn gốc đất như các đương sự trình bày là đúng. Bà mong muốn ông Tiến và ông Quang hòa giải với nhau là tốt nhất, nếu không hòa giải được, nếu sau này bà được hưởng, được chia di sản thừa kế của bố mẹ bà, phần của bà được hưởng, được chia bà sẽ để lại toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Q và bà Hoàng Thị M, ông Quang bà Mai không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho bà.

- Ông Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5 đều thống nhất trình bày: Về quan hệ họ hàng cũng như nguồn gốc đất của hai cụ Chiêu như ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Q trình bày là đúng. Nếu sau này ông Nhưng, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo được hưởng di sản thừa kế của hai cụ Chiêu, phần của ông Nhưng, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo được hưởng, được chia sẽ để lại toàn bộ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, vợ chồng ông Quang không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho ông Nhưng, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo.

- Bà Phan Thị H1, chị Nguyễn Thị Kim Ng, chị Nguyễn Thị Tâm D, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S đều thống nhất trình bày: Về quan hệ họ hàng gia đình cũng như nguồn gốc đất của hai cụ Chiêu để lại như ông Tiến, ông Quang trình bày là đúng: Bà Hoa cũng như các con của bà Hoa là chị Nguyệt, chị Dung, anh Trường, anh Sơn được hưởng phần di sản của hai cụ Chiêu (trong đó ông Nguyễn Văn Hạnh là con bà vợ cả của ông Nguyễn Văn Chiêu) thì để lại cho vợ chồng Nguyễn Văn Q.

Ngoài ra bà Hoa còn đề nghị Tòa án không hủy sổ đỏ đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q. Mặt khác khi ông Tiến mua nhà đã được bà Chiêu cho vàng.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Về quan hệ họ hàng gia đình cũng như nguồn gốc đất của hai cụ Chiêu mà ông Tiến, ông Quang trình bày là đúng. Ký phần di sản mà bà được hưởng thừa kế của bố mẹ thì bà để lại cho ông Nguyễn Văn T, bà không yêu cầu ông Tiến phải thanh toán gì.

Người làm chứng trình bày:

- Ông Lương Viết Trọng trình bày: Ông và ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Lương Thị Tường là quan hệ anh em, bà Lương Thị Tường là chị gái ruột ông, ông Chiêu là anh rể ông. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Chiêu cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M lập ngày 23 tháng 9 năm 1998. Ông là người làm chứng và trực tiếp ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Chiêu với vợ chồng Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M. Khi bà Chiêu làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Quang, bà Mai thì bà Chiêu khỏe mạnh bình thường, minh mẫn.

- Ông Vũ Mạnh Linh trình bày: Ông không có quan hệ gì với hai cụ Nguyễn Văn Chiêu, Lương Thị Tường cũng như vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M. Ông làm xóm trưởng từ năm 1994 đến năm 2017 ông không làm nữa chuyển làm bí thư chi bộ. Trong thời gian ông làm xóm trưởng ông có ký là người làm chứng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23 tháng 9 năm 1998 giữa bà Nguyễn Thị Chiêu cho ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M. Lúc bà Chiêu làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Quang, bà Mai hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Sau khi vợ chồng ông Quang, bà Mai được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh chị em trong gia đình (là con của bà Chiêu) không ai có ý kiến gì. Cuối năm 2018 thì ông Tiến và ông Quang xảy ra tranh chấp đất đai, ban công tác mặt trận của cơ sở đã hòa giải nhưng không thành.

Kết quả khảo sát xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 20 tháng 9 năm 2019.

- Diện tích đo đạc thực tế tại thửa số 153 là 336m².

- Giá đất là 25.000.000đ/m².
- Nhà 2 tầng + 1 phòng thờ có giá trị: 730.000.000đ.
- Bể nước: 11.800.000đ;
- Mái tôn: 20.700.000đ;
- Sân gạch: 3.100.000đ;
- Sân bê tông: 5.600.000đ;
- Nhà vệ sinh: 3.800.000đ;
- Tường bao phía trước nhà là khung cột sắt: 10.500.000đ;
- Tường rào phía trái và phía sau xây gạch: 33.000.000đ;
- Tường rào phía phải nhà giáp hộ ông Cảnh: 6.600.000đ;

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân Tiến:

+ Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp cũng như việc trước đây UBND xã làm sông, làm đường có liên quan đến đất của gia đình cụ Chiêu, ông Chiêu:

Khi còn sống cụ Chiêu, cụ Tường có mảnh đất ở tại xóm 6a, xã Xuân Tiến, nay là Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định. Trên thổ đất của cụ Chiêu cụ Tường có hai ngôi nhà, một ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ nằm ngoài mặt đường và một ngôi nhà gỗ năm gian mái lợp rạ ở phía trong. Sau khi ông Chiêu kết hôn với bà Hoa, vợ chồng ông Chiêu ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ngoài mặt đường, hai cụ Chiêu và những người con khác của các cụ ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã Xuân Tiến nắn sông và làm đường vào phần nhà 03 gian phía ngoài mà vợ chồng ông Chiêu ở, xã đã đền bù, chuyển đổi và gia đình ông Chiêu vào mảnh đất phía bên trong ngõ mà hiện gia đình ông Chiêu đang ở.

Theo hồ sơ giấy tờ thì không thể hiện việc cụ Chiêu, cụ Tường cắt chia đất cho vợ chồng ông Chiêu nhưng thực tế vợ chồng ông Chiêu đã ở 03 gian nhà phía ngoài của cụ Chiêu, cụ Tường sau đó xã làm sông làm đường và đã đền bù cho gia đình ông Chiêu 368m² đất được hoán đổi vào vị trí đất mà hiện nay gia đình ông Chiêu đang sử dụng. Như vậy, có thể khẳng định mặc dù ông Chiêu không được bố mẹ chia đất bằng văn bản giấy tờ nhưng vợ chồng ông Chiêu đã được bố mẹ cho đất ở, thực tế khi UBND xã làm sông làm đường vào phần nhà đất hộ ông Chiêu ở thì hộ ông Chiêu đã được đền bù 368m² đất như vậy được coi là ông Chiêu đã được cụ Chiêu, cụ Tường cắt chia đất.

Theo bản đồ năm 1976 tại mảnh 5 thể hiện chủ sử dụng là Đăng (ông Chiêu có tên gọi khác là Đăng) thửa 580 có diện tích 572m² trong đó 204m² là đất ao.

Tại bản đồ năm 1987, tại thửa số 819, tờ bản đồ số 1a thể hiện: Chủ sử dụng đất Đăng với diện tích đất là 432m² trong đó đất thổ cư là 360m², thổ canh là 72m².

Ngoài ra ông Chiêu còn mua ao của ông Song với diện tích 190m² đất vườn được thể hiện tại thửa 176 bản đồ lập năm 1990. Được thể hiện 710m² (thổ cư 300m², vườn 190m², ao 220m²).

+ Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Quang, bà Mai ở với bố mẹ có sửa sang cải tạo nhà đất để bố mẹ và các con cùng sử dụng, cụ thể:

Do bão gió năm 1986 ngôi nhà gỗ năm gian mái lợp rạ ở phía trong bị ảnh hưởng nên vợ chồng ông Quang, bà Mai đã làm lại nhà mái bằng 03 gian để hai cụ Chiêu, Tường cùng vợ chồng con cái ông Quang ở. Sau đó vợ chồng ông Quang, bà Mai lại phá nhà 03 gian để làm nhà 02 tầng và 01 tum (phòng thờ) như hiện nay. Kết quả xem xét thẩm định và định giá nhà đất tranh chấp ngày 20/9/2019 trong đó có: Nhà 2 tầng + 01 phòng thờ và các công trình xây dựng trên đất. Đất tranh chấp định giá 25.000.000 đồng/m² là phù hợp với giá đất giao dịch tại thời điểm hiện nay của địa phương.

+ Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Chiêu; hộ ông Quang, bà Mai:

- Hộ bà Nguyễn Thị Chiêu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00895 QSD Đ/459/QĐUB vào ngày 19/02/1998 với diện tích 340 m² đất ở lâu dài thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04;

- Hộ ông Quang, bà Mai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X030994 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02622 ngày 15/7/2004 với diện tích 290 m² đất ở lâu dài, thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04;

Còn lại 50m² đất địa phương được biết gia đình cụ Chiêu thống nhất để làm từ đường.

Đất ông Tiến đang khởi kiện thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 4, địa chính xã Xuân Tiến, diện tích đo đạc thực tế 336m², diện tích đo đạc thực tế hụt hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4m² có thể sai số do đo đạc.

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Chiêu là cấp đại trà; còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Quang, bà Mai là cấp theo như trong hồ sơ.

- Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Chiêu, hộ ông Quang, bà Mai thì việc đóng góp nghĩa vụ tài chính với nhà nước về nhà đất do vợ chồng ông Quang, bà Mai thực hiện.

Quá trình vợ chồng ông Quang, bà Mai sử dụng đất cùng với bố mẹ cho đến trước khi các đương sự xảy ra tranh chấp, địa phương không nhận được văn bản thể hiện cụ Chiêu, cụ Tường có để lại di chúc. Các con của cụ Chiêu cụ Tường cũng không có đơn từ khiếu nại về việc tranh chấp đất của cụ Chiêu, cụ Tường gửi Ủy ban nhân dân xã Xuân Tiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 468; 612, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 97, 166, 170 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Chiêu, cụ Lương Thị Tường.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M ngày 15/7/2004.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 54,5m² đất ở tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định. Ông Nguyễn Văn T không phải thanh toán giá trị cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng bức tường xây dài 15,55m trị giá 6.531.000đ và sân diện tích là 54,5m² trị giá 4.414.000đ; tổng là 11.014.000đ.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M số tiền là 11.014.000đ (mười một triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M có trách nhiệm bàn giao diện tích 54,5m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định bao gồm đất ở và các công trình xây dựng, tài sản khác trên phần đất này cho ông Nguyễn Văn T nhận.

4. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng diện tích đất là 88,5m²; cộng với phần diện tích đất của cụ Nguyễn Thị Chiêu đã cho 143m²; tổng diện tích đất 231,5m² đất ở tại thửa 153, tờ bản đồ số 4, cũng như các công trình xây dựng nằm trên phần diện tích đất mà mình được quyền sử dụng. Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M không phải thanh toán giá trị cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th, bà Phan Thị H1, bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị Tâm D, ông Nguyễn Đức Tr, ông Nguyễn Đức S, ông Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5.

5. Giao cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thủy, ông Nguyễn Văn Q; ông Nguyễn Văn Nhưng cùng các con là anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5; bà Phan Thị H1 cùng các con là chị Nguyễn Thị Kim Ng, chị Nguyễn Thị Tâm D, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S

được quyền sử dụng chung diện tích 50 m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

- Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M có trách nhiệm bàn giao diện tích 50m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định bao gồm đất ở và các công trình xây dựng, tài sản khác trên phần đất này cho những người có tên trên.

6. Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M phải có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh, tách thửa diện tích đất theo quyết định của bản án.

7. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M phải tháo dỡ những phần công trình và chuyển cây di trên phần đất của ông Nguyễn Văn T được hưởng quyền sử dụng.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất cho các đương sự theo bản án có hiệu lực pháp luật).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/01/2023 ông Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; với lý do quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, chưa phù hợp pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan.

Ngày 17/01/2023 ông Nguyễn Văn Q làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; với lý do một số nội dung trong bản án sơ thẩm không khách quan, minh bạch, nhận định không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Quang. Ông Quang đề nghị cấp phúc thẩm:

- Cho ông Quang được hưởng kỷ phần thừa kế của mẹ ông được chia từ phần di sản thừa kế của bố ông;

- Đề nghị khi chia phần di sản thừa kế của bố ông, cần xem xét đến công sức của vợ chồng ông trong việc quản lý, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị của di sản thừa kế;

- Đối với diện tích đất mà ông Tiến được chia thừa kế; đề nghị giao cho ông Tiến phần đất có vị trí ở phía trong thửa đất;

- Đề nghị khi chia đất cần đảm bảo sự công bằng về quyền lợi được hưởng đất giáp mặt đường cho các đương sự, sao cho chiều rộng mặt đường tương ứng với tỷ lệ diện tích theo kỹ phần mỗi đương sự được hưởng;

- Đề nghị Tòa án cho giám định chữ ký của ông Chiêu trong văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/9/1998 để làm rõ việc ông Chiêu đã tố cáo ông Quang là giả mạo chữ ký của ông Chiêu.

Ngày 30/01/2023 bà Nguyễn Thị Th làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; với lý do một số nội dung trong bản án sơ thẩm không khách quan, minh bạch, nhận định không chính xác, không xác định đầy đủ di sản thừa kế của bố, mẹ bà Thủy để lại làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Bà Thủy đề nghị cấp phúc thẩm:

- Công nhận tính hợp pháp văn bản của bà Nguyễn Thị H ký ngày 06/9/2020 về việc ký phần được nhận của bà Hồng dùng để góp xây nhà thờ;

- Không cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Ch được quyền hưởng di sản của bố bà Thủy theo quy định của Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Xác định kỹ phần thừa kế của mẹ bà được hưởng của bố bà thuộc về ông Nguyễn Văn Q;

- Đề nghị khi chia phần di sản thừa kế của bố bà, cần xem xét đến công sức chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng, quản lý, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị của di sản thừa kế của ông Quang tương đương 50% phần di sản của bố bà để lại; đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm chia lại phần diện tích đất mặt đường cho chính xác, sau khi tính lại kỹ phần thừa kế của ông Quang được hưởng;

- Nếu Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xác định ông Tiến, ông Chiêu, bà Hồng được hưởng di sản thừa kế, thì đề nghị cho nhận bằng tiền. Vì nhu cầu thực tế về chỗ ở của ông Tiến ở quê là không có, hiện nay ông Tiến đang ở trên căn nhà 04 tầng do Bộ quốc phòng cấp ở Hà Nội;

- Tiếp tục giao cho vợ chồng ông Quang quản lý, sử dụng 50m² đất mà bố mẹ bà để lại như hiện nay;

- Xác định 368m² đất mà hiện nay ông Chiêu đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của bố, mẹ bà để lại;

- Xác định mảnh đất mà ông Tiến mua tại khu vực Ba Hàng, Vĩnh Tuy, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của bố, mẹ bà để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự

chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Th và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th:

[1] Về việc xác định khối di sản thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Chiêu và cụ Lương Thị Tường (Tên gọi khác Nguyễn Thị Chiêu) để lại HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định, khối di sản thừa kế của vợ chồng cụ Chiêu để lại là 340m² (Đo thực tế 386m²) có số thửa 153 thuộc tờ bản đồ số 4, Bản đồ địa chính xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ngoài ra vợ chồng cụ Chiêu không để lại di sản nào khác.

Đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn Ch hiện nay đang sử dụng, có nguồn gốc: Sau khi ông Chiêu xây dựng gia đình được bố mẹ cho ra ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ở phía ngoài mặt đường. Vợ chồng cụ Chiêu và những người con khác của các cụ ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969 hoặc năm 1970 xã Xuân Tiến nắn sông và làm đường vào phần nhà 03 gian phía ngoài mà vợ chồng ông Chiêu ở, xã đã đền bù, chuyển đổi và gia đình ông Chiêu vào mảnh đất phía bên trong ngõ mà hiện gia đình ông Chiêu đang ở. Theo bản đồ năm 1976 tại mảnh 5 thể hiện chủ sử dụng là Đăng (ông Chiêu có tên gọi khác là Đăng) thửa 580 có diện tích 572m² trong đó 204m² là đất ao. Tại bản đồ năm 1987, tại thửa số 819, tờ bản đồ số 1a thể hiện: Chủ sử dụng đất Đăng với diện tích đất là 432m² trong đó đất thổ cư là 360m², thổ canh là 72m². Ngoài ra ông Chiêu còn mua ao của ông Song với diện tích 190m² đất vườn được thể hiện tại thửa 176 bản đồ lập năm 1990; với diện tích 710m² (thổ cư 300m², vườn 190m², ao 220m²). Trong quá trình sử dụng đất ông Chiêu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy việc bà Nguyễn Thị Th kháng cáo cho rằng diện tích 368m² đất mà hiện nay ông Chiêu đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của bố, mẹ bà để lại là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, cho rằng mảnh đất mà ông Tiến mua tại khu vực Ba Hàng, Vĩnh Tuy, quận Hoàng Mai, thành phố Hà

Nội là di sản thừa kế của bố, mẹ bà để lại. Bởi vì số tiền mà ông Nguyễn Văn T mua thửa đất nói trên là của cụ Lương Thị Tường (Nguyễn Thị Chiêu) cho ông Tiến. Về việc cụ Tường cho vàng ông Nguyễn Văn T: Ông Quang, bà Hoa, bà Đan, bà Mai có ý kiến là có nghe nói cụ Tường cho vàng ông Tiến mua đất ở trên Hà Nội, (biên bản ngày 25 tháng 10 năm 2019 có chữ ký của bà Hoa, bà Đan, ông Quang, bà Mai, anh Sơn (BL 258). Ông Tiến phủ nhận việc cụ Tường cho vàng là không có. Xét thấy, đương sự chỉ nghe cụ Tường nói lại chứ không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn cụ Tường đã chết không để lại di chúc, cho nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Lương Thị Tường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q ngày 23/9/1998 vô hiệu cả về nội dung lẫn hình thức, chưa phù hợp pháp luật, gian dối không trung thực. Đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Xuân Trường cấp cho vợ chồng ông Quang vào ngày 15/7/2004.

Ngày 23 tháng 9 năm 1998, cụ Lương Thị Tường (Nguyễn Thị Chiêu) lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Quang và bà Mai được quyền sử dụng 290m² đất, cũng như cụ Tường có đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày cho vợ chồng ông Quang. Xét cụ Tường làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất 290m² cho vợ chồng ông Quang và bà Mai chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, diện tích đất 290m² là tài sản chung của cụ Chiêu và cụ Tường; cụ Chiêu chết năm 1991. Do đó cụ Tường chỉ có quyền chuyển nhượng $\frac{1}{2}$ tương đương với 145m² và kỷ phần thừa kế của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại. Ở đây cụ Tường đã định đoạt cả phần đất của cụ Chiêu (là di sản thừa kế của cụ Chiêu) cho vợ chồng ông Quang, bà Mai; trong khi không có sự đồng thuận của các đồng thừa kế khác của cụ Chiêu là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Quang và bà Mai có chữ ký của ông Vũ Mạnh Linh (lúc đó là xóm trưởng), ông Lương Viết Trợ và đã được UBND xã Xuân Tiến xác nhận. Sau đó UBND xã Xuân Tiến làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 15/7/2004, UBND huyện Xuân Trường đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Quang tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 diện tích đất ở 290m². Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận $\frac{1}{2}$ đất và kỷ phần thừa kế của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại trong tổng số 290m² đất tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mà cụ Tường chuyển nhượng cho vợ chồng ông Quang, thuộc quyền định đoạt của cụ Tường, không trái với quy định của pháp luật cho nên được chấp nhận. Phần diện tích đất còn lại trong tổng số 290m² tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định được xác định là di sản thừa kế của cụ Chiêu để lại. Ông Tiến kháng cáo cho rằng Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên của cụ Tường cho vợ chồng ông Quang là giả mạo, không đúng với ý chí của cụ Tường, cho nên bị vô hiệu toàn bộ. Nhưng ông Tiến không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Căn cứ vào mục 2 phần II công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người nhận chuyển nhượng”. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Tiến về các nội dung như đã nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị cấp phúc thẩm không chia thêm cho ông Nguyễn Văn Q kỷ phần thừa của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại. Đồng thời cũng không chia thêm cho ông Nguyễn Văn Q được hưởng thêm 01 kỷ phần, vì đã có công chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ.

Như đã phân tích ở mục [2] nói trên, cụ Chiêu chết năm 1991, di sản thừa kế của cụ Chiêu để lại được xác định là $\frac{1}{2}$ trong tổng số 290m² đất tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, Cụ Chiêu không để lại di chúc; cụ Tường là vợ của cụ Chiêu. Do vậy, cần xác định phần tài sản của cụ Tường được hưởng là $\frac{1}{2}$ trong tổng số 290m² đất cùng với kỷ phần thừa kế mà cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại. Vì vậy, vào năm 1998 cụ Tường hoàn toàn có quyền định đoạt thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Quang đối với $\frac{1}{2}$ trong tổng số 290m² đất cùng với kỷ phần thừa kế mà cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, sau khi xây dựng gia đình vợ chồng ông Nguyễn Văn Q cùng với các con sống chung với bố mẹ đẻ tức là cụ Chiêu và cụ Tường. Trong quá trình đó ngoài việc vợ chồng ông Quang có công chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ khi còn sống, thờ tự sau khi bố mẹ chết đi, thì vợ chồng ông Quang còn có công quản lý, duy trì, tôn tạo, làm tăng giá trị của khối di sản thừa kế, đặc biệt là từ sau khi bố mẹ chết đi. Vì vậy, cần thiết xem xét chia cho ông Quang được hưởng thêm một kỷ phần thừa kế cho phần công sức nêu trên là hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn tại Án lệ số 05/2016/TANDTC ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Từ phân tích nêu trên. HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc đề nghị không chia thêm cho ông Nguyễn Văn Q kỷ phần thừa kế của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại; đồng thời cũng không chia thêm cho ông Nguyễn Văn Q được hưởng thêm 01 kỷ phần, vì đã có công chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ.

Cần chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Q, sửa bản án sơ thẩm; để chia cho ông Quang được kỷ phần thừa kế của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu để lại, được hưởng kỷ phần thừa kế cho phần công sức quản lý, duy trì, tôn tạo, làm tăng giá trị của khối di sản thừa kế.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th về việc đề nghị không cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Ch được quyền hưởng di sản của bố bà Thủy là cụ Chiêu theo quy định của Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015. HĐXX xét thấy, việc ông Quang đã xác nhận vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa cụ Tường và vợ chồng ông Quang ngày 23/9/1998. Ông Tiến biết ông Quang đã hai lần xây nhà trên đất nhưng không phản đối và đã viết vào giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/7/2019 cho ông Quang. Ngoài ra ông Chiêu, ông Tiến không chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ lúc ốm đau về già. Các căn cứ của bà Thủy nêu trên không phù hợp với quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự, quy định về những người không được quyền hưởng di sản và Điều 620 Bộ luật Dân sự quy định về từ chối nhận di sản. Do vậy, không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về chia di sản thừa kế:

[5.1] Đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Chiêu: Cụ Chiêu chết năm 1991 không để lại di chúc, cho nên di sản thừa kế của cụ để lại được chia theo quy định của pháp luật. Cụ Chiêu và cụ Tường sinh được 7 người con gồm: Ông Chiêu, bà Đan, bà Hồng, bà Ích (chết năm 2009), ông Tiến, bà Thủy, ông Quang. Trước khi cụ Chiêu kết hôn với cụ Tường, thì cụ Chiêu có vợ là cụ My và có một con là ông Nguyễn Văn Hạnh (chết năm 2009). Do vậy những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Chiêu gồm: Cụ Tường, ông Chiêu, bà Đan, bà Hồng, ông Tiến, bà Thủy, ông Quang. Những người được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Ích (đã chết) gồm ông Nhung, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo. Những người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Hạnh (đã chết) gồm bà Hoa, chị Nguyệt, chị Dung, anh Trường, anh Sơn. Do ông Quang là người có công trong việc quản lý, duy trì, tôn tạo, làm tăng giá trị của khối di sản thừa kế, cho nên ông Quang được chia thêm một kỷ phần thừa kế.

[5.1.1] Theo kết quả thẩm định và đo đạc tại chỗ, di sản của cụ Chiêu và cụ Tường để lại chỉ còn 336m² đất. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự, đều thống nhất để lại 50m² để làm nhà thờ, cho nên di sản còn lại để chia thừa kế là 286m². Do 286m² là tài sản chung của cụ Chiêu và cụ Tường, nên di sản của cụ Chiêu để lại là 143m², cụ Tường là 143m². Cụ Chiêu chết không để lại di chúc, như vậy di sản của cụ Chiêu sẽ được chia làm 10 phần, mỗi kỷ phần được hưởng 14,3m²: Cụ thể cụ Tường, ông Chiêu, bà Đan, bà Hồng, ông Tiến, bà Thủy mỗi người được hưởng 14,3m², ông Quang được hưởng 14,3m². Bà Ích đã chết, cho nên ông Nhung, anh Thiện, anh Thịnh, anh Thông, chị Thảo được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Ích là 14,3m². Ông Hạnh đã chết, cho nên bà Hoa, chị

Nguyệt, chị Dung, anh Trường, anh Sơn được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Hạnh là $14,3\text{m}^2$.

[5.1.2] Ông Tiến được ông Chiêu và bà Hồng nhường kỷ phần và không yêu cầu ông Tiến phải thanh toán giá trị; cho nên ông Tiến được hưởng di sản là $14,3 \times 3 = 42,9\text{m}^2$.

[5.1.3] Ông Quang được bà Đan, bà Thủy, ông Nhưng và các con của bà Ích, bà Hoa và các con của ông Hạnh nhường kỷ phần và không yêu cầu ông Quang phải thanh toán giá trị; ông Quang còn được hưởng 02 kỷ phần (trong đó 01 kỷ phần của bản thân ông cùng với 01 kỷ phần cho công sức quản lý, duy trì...). Do vậy di sản ông Quang được hưởng là $14,3 \times 6 = 85,8\text{m}^2$. Ngoài ra ông Quang còn được hưởng $157,3\text{m}^2$ (Trong đó có $\frac{1}{2}$ tương đương với 143m^2 phần tài sản chung của cụ Tường trong tổng số 286m^2 và $14,3\text{m}^2$ là kỷ phần thừa kế của cụ Tường được hưởng trong phần di sản của cụ Chiêu). Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/9/1998 giữa cụ Tường cho vợ chồng ông Quang như nhận định ở mục [2] nói trên. Như vậy số di sản thừa kế mà ông Quang được hưởng là $85,8\text{m}^2 + 157,3\text{m}^2 = 243,1\text{m}^2$.

[5.2] Đối với di sản thừa kế của cụ Lương Thị Tường: Cụ Tường chết vào năm 2007. Tuy nhiên trước khi chết, vào năm 1998 cụ Tường đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần di sản của cụ cho vợ chồng ông Quang như nhận định ở mục [2] nói trên, do vậy phần di sản của cụ không còn nữa, cho nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về di sản sử dụng vào việc thờ cúng: Trong quá trình giải quyết vụ án; các đồng thừa kế đều thống nhất giành ra 50m^2 trong thửa đất số 153, để sử dụng vào việc xây dựng nhà thờ, thờ cúng cha mẹ, tổ tiên. Xét nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cho nên cần được chấp nhận. Cần phải xác định 50m^2 trong thửa đất số 153 là di sản thừa kế, các đồng thừa kế đều thống nhất không phân chia và để sử dụng vào việc thờ cúng; do vậy tất cả các đồng thừa kế đều có quyền lợi trong diện tích đất này. Vì vậy, cấp sơ thẩm ghi tên tất cả các đồng thừa kế là chủ sử dụng đối với diện tích đất này và tạm giao cho ông Quang được quyền quản lý, sử dụng là đúng đắn. Nội dung kháng cáo của ông Tiến đề nghị không ghi tên các con của ông Hạnh và các con của bà Ích vì ông Hạnh, bà Ích đều đã chết là chủ sử dụng đối với diện tích đất này, không được HĐXX chấp nhận.

[7] Về chia hiện vật di sản thừa kế cho các đương sự: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Q về vấn đề này HĐXX xét thấy; thửa đất số 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, từ trước tới nay do vợ chồng cụ Chiêu quản lý sử dụng, năm 1981 sau khi ông Quang xây dựng gia đình thì vợ chồng ông Quang sống cùng với bố mẹ trên thửa đất này; sau khi vợ chồng cụ Chiêu chết đi thì vợ chồng ông Quang quản lý sử dụng. Trong quá trình sử dụng vào năm 2009 ông Quang đã phá nhà mái

bằng xây dựng vào năm 1987, để quy hoạch lại xây nhà mái bằng mới có diện tích lớn hơn nhà cũ. Căn nhà này quay hướng Đông giáp đường trục xã, được xây dựng trên hơn $\frac{1}{2}$ chiều rộng của thửa đất tính theo cạnh phía Đông giáp trục đường xã, phần còn lại ông Quang xây nán lợp tôn về phía Nam để bán hàng diện tích gần hết chiều rộng của thửa đất tính theo cạnh phía Đông giáp trục đường xã. Trong quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế đều có yêu cầu được nhận hiện vật theo kỷ phần được hưởng; đồng thời đề nghị khi chia đất cần đảm bảo sự công bằng về quyền lợi được hưởng đất giáp mặt đường cho các đương sự, sao cho chiều rộng mặt đường tương ứng với tỷ lệ diện tích theo kỷ phần mỗi người được hưởng. Xét thấy thửa đất số 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; có cạnh phía Đông giáp trục đường xã chỉ có chiều dài là 11,27m. Sau khi được cụ Tường chuyển nhượng cho $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa đất số 153, ông Quang đã xây dựng nhà mái bằng kiên cố về phía Bắc trên hơn $\frac{1}{2}$ chiều rộng của thửa đất tính theo cạnh phía Đông giáp trục đường xã. Vì vậy $\frac{1}{2}$ di sản của cụ Chiêu để lại trên thực tế chỉ có chiều rộng khoảng 4,5m tính theo cạnh phía Đông giáp trục đường xã. Như vậy, nếu chia phần đất này thành 10 kỷ phần theo nguyên tắc, đồng thừa kế nào cũng được hưởng đất giáp trục đường xã thì mỗi kỷ phần chỉ được 0,45m đất giáp trục đường xã. Nếu như vậy thì phần đất là di sản mà ông Nguyễn Văn T được chia là 03 kỷ phần với diện tích 42,9m², trong đó cạnh phía Đông giáp trục đường xã chỉ có chiều dài khoảng 1,35m, với kích thước 1,35m x 31,77m thì gần như không sử dụng vào mục đích gì được. Xét nguyện vọng của ông Tiến là được chia di sản thừa kế bằng hiện vật, để ông về quê xây nhà sống quãng đời còn lại gần anh em, làng xóm. HĐXX xét thấy, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Quang chia cho ông Tiến được quyền sử dụng phần diện tích đất về phía Tây có vị trí giáp với nhà ông Quang và giáp với diện tích đất để xây nhà thờ. Do phần diện tích đất của ông Tiến được chia chỉ có diện tích 42,9m², để tạo điều kiện thuận lợi cho ông Tiến khi xây dựng nhà. Xét thấy cần công nhận sự tự nguyện của ông Quang tặng cho ông Tiến thêm 7.1m² đất từ phần diện tích đất mà ông Quang được chia thừa kế. Nội dung kháng cáo của bà Thủy đề nghị không cho ông Chiêu, ông Tiến, bà Hồng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, không được HĐXX chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên đây; HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Th. Sửa bản án sơ thẩm chia cho ông Tiến được quyền sử dụng 50m² đất về phía Tây có vị trí giáp với nhà ông Quang và giáp với diện tích đất để xây nhà thờ. Chia cho ông Quang được quyền sử dụng, sở hữu các công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng 236m² về phía Đông giáp đường trục xã.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Phan Thị H1, ông Hoàng Văn Nh, bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị Tâm D.

Buộc anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho kỷ phần di sản thừa kế mà mình được hưởng.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Căn cứ vào các Điều 357, 468; 612, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 97, 166, 170 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Chiêu, cụ Lương Thị Tường.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M ngày 15/7/2004.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 50m² (Trong đó có 42,9m² được chia thừa kế và 7,1m² được ông Nguyễn Văn Q tặng cho) thuộc loại đất ở tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định, có vị trí phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Q, phía Tây giáp đất để xây dựng nhà thờ, phía Nam giáp từ đường họ Mai, phía Bắc giáp ngõ đi. Ông Nguyễn Văn T không phải thanh toán giá trị cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Q.

- Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M có trách nhiệm bàn giao diện tích 50m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định có vị trí tứ cận như đã nêu ở mục (3) nói trên. Đồng thời vợ chồng ông Quang phải có trách nhiệm tháo dỡ phần các công trình xây dựng, di chuyển cây cối, tài sản khác trên phần đất này để bàn giao cho ông Nguyễn Văn T.

4. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng diện tích đất được chia thừa kế là 85,8m² cộng với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của cụ Lương Thị Tường (Nguyễn Thị Chiêu) là 157,3m²; sau khi trừ đi 7,1m² ông Quang tặng cho ông Nguyễn Văn T. Tổng diện tích đất vợ chồng ông Quang được quyền sử dụng là 236m² thuộc loại đất ở; có vị trí phía Đông giáp trục đường xã, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T, phía Nam giáp

đất nhà ông Cảnh, phía Bắc giáp ngõ đi, tại thửa 153, tờ bản đồ số 4 xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu các công trình xây dựng nằm trên phần diện tích đất này. Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M không phải thanh toán giá trị cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th, bà Phan Thị H1, bà Nguyễn Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị Tâm D, ông Nguyễn Đức Tr, ông Nguyễn Đức S, ông Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5.

5. Giao cho ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thuỷ, ông Nguyễn Văn Q; ông Nguyễn Văn Nhung cùng các con là anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5; bà Phan Thị H1 cùng các con là chị Nguyễn Thị Kim Ng, chị Nguyễn Thị Tâm D, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S được quyền sử dụng chung diện tích 50m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; có vị trí phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, phía Tây giáp ngõ đi, phía Nam giáp từ đường họ Mai, phía Bắc giáp ngõ đi.

- Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M có trách nhiệm bàn giao diện tích 50m² đất ở tại thửa số 153, tờ bản đồ số 4 tại Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định và các công trình xây dựng, cây cối, tài sản khác trên phần đất này, theo yêu cầu cho những người có tên nêu ở mục (5) nói trên.

6. Ông Nguyễn Văn Q, bà Hoàng Thị M phải có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh, tách thửa đối với các diện tích đất theo quyết định của bản án.

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của các thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

7. Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất cho các đương sự theo bản án có hiệu lực pháp luật).

8. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th.

- Buộc anh Hoàng Minh Th2, anh Hoàng Đức Th3, anh Hoàng Trung Th4, chị Hoàng Thu Th5, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S mỗi người phải nộp 3.843.125đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Hà Nam